

Báo cáo Tổng kết Đào tạo và mô phỏng Hệ thống Trao đổi Hạn ngạch phát thải tại Việt Nam

Tháng 3, 2025

Nội dung



1. Tổng quan về Hỗ trợ Kỹ thuật



2. Nhiệm vụ 3: Cách tiếp cận và kết quả khảo sát



3. Nhiệm vụ 4: Lập sơ đồ các bên liên quan



4. Nhiệm vụ 5: Công cụ mô phỏng



5. Nhiệm vụ 6: Nền tảng web (Web-based platform)



6. Nhiệm vụ 7: Khóa đào tạo



7. Nhiệm vụ 8: Chuyển tham quan học tập (Study tour)



8. Kết luận

Tổng quan về Hỗ trợ Kỹ thuật (1)

“Đào tạo và mô phỏng Hệ thống Trao đổi Hạn ngạch phát thải tại Việt Nam”

Hỗ trợ kỹ thuật (TA) là một phần trong các hoạt động hỗ trợ của Chương trình Đối tác chuyển dịch năng lượng Đông Nam Á (ETP), nhằm thúc đẩy phát triển thị trường các-bon tại Việt Nam với sự hợp tác của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Mục tiêu chính: Tổ chức một chuỗi các khóa đào tạo về ETS và thị trường các-bon cho các bên liên quan khác nhau, bao gồm các nhà hoạch định chính sách, viện nghiên cứu, trường đại học, tổ chức tài chính, đại diện truyền thông và đặc biệt là các cơ sở phát thải lớn thuộc phạm vi tham gia vào ETS Việt Nam trong tương lai.

- Liên danh tư vấn: **VNEEC, South Pole, VETS và các chuyên gia quốc tế**
- Thời gian thực hiện: Tháng Bảy 2023 đến Tháng Ba 2025

Tổng quan về Hỗ trợ Kỹ thuật (2)

Mốc thực hiện 1

Nhiệm vụ 1: Xây dựng Báo cáo khởi động.

Nhiệm vụ 2: Tổ chức Hội thảo khởi động.

Mốc thực hiện 2

Nhiệm vụ 3: Thực hiện phân tích, khảo sát và tham vấn về mức độ sẵn sàng và nhận thức của doanh nghiệp, cơ sở về phát thải/giảm nhẹ khí nhà kính (KNK) và thị trường các-bon.

Nhiệm vụ 4: Xây dựng sơ đồ chi tiết các bên liên quan và kế hoạch thu hút sự tham gia.

Nhiệm vụ 5: Chuẩn bị và cung cấp quyền truy cập vào công cụ mô phỏng các-bon phù hợp để sử dụng

Nhiệm vụ 6: Cung cấp nền tảng mô phỏng các-bon trực tuyến

Mốc thực hiện 3

Nhiệm vụ 7: Tổ chức chuỗi khóa đào tạo/hội thảo/điễn đàn mô phỏng ETS.

Nhiệm vụ 8: Lên kế hoạch tổ chức lớp học chuyên sâu về thị trường các-bon cho cán bộ nhà nước.

Nhiệm vụ 9: Thực hiện báo cáo kỹ thuật tổng hợp kết quả mô phỏng và đánh giá tác động.

Mốc thực hiện 4

Nhiệm vụ 10: Báo cáo tổng kết và cuộc họp tổng kết

Nhiệm vụ 3: Cách tiếp cận và kết quả khảo sát (1)

Mục tiêu: Đánh giá mức độ nhận thức, sự sẵn sàng và nhu cầu đào tạo về năng lực của các bên tham gia thị trường các-bon trong tương lai tại Việt Nam liên quan đến việc phát triển ETS quốc gia, đồng thời xác định các đối tượng tiềm năng cho các khóa đào tạo.

Hoạt động:

- Thực hiện rà soát tài liệu và tham vấn về ETS (đơn vị không phát thải)
- Thiết kế bảng câu hỏi khảo sát
- Xác định quy mô và phạm vi của các cuộc khảo sát
- Thu thập, tổng hợp và phân tích dữ liệu.
- Soạn thảo báo cáo đánh giá về mức độ nhận thức, sự sẵn sàng và nhu cầu đào tạo về năng lực.

Sản phẩm:

1. Bảng câu hỏi khảo sát
2. Báo cáo đánh giá về mức độ nhận thức, sự sẵn sàng và nhu cầu đào tạo về năng lực

Nhiệm vụ 3: Cách tiếp cận và kết quả khảo sát (2)

Phân nhóm đối tượng trả lời khảo sát

- Các công ty trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại: **202 công ty.**
- Các công ty trong lĩnh vực xây dựng: **22 công ty.**
- Các công ty trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường: **9 công ty.**
- Các công ty trong lĩnh vực vận tải: **4 công ty.**
- **47% công ty** được phân loại là doanh nghiệp FDI.
- **20% đối tượng được khảo sát** là các công ty niêm yết.

Hồ sơ phát thải

- **68% công ty** phát thải ít hơn 100.000 tCO₂td.
- Các đơn vị thải ra hơn một triệu tCO₂td chiếm khoảng **73% tổng lượng phát thải.**

Phân bố địa lý

- Khu vực phía Bắc: **98 công ty.**
- Khu vực miền Trung: **33 công ty.**
- Khu vực phía Nam: **45 công ty.**

Các chỉ số đánh giá mức độ sẵn sàng.

Năng lực MRV:

- 32% công ty đã thực hiện kiểm kê KNK.
- Chưa đến 11% công ty đã có báo cáo KNK được bên thứ ba thẩm định.

Nhận thức về ETS:

- Khoảng 75% số người được hỏi biết về lộ trình phát triển thị trường các-bon ở Việt Nam.

Tham vọng giảm phát thải:

- Chỉ khoảng 13% công ty đã công khai hồ sơ phát thải của họ.

Mức độ sẵn sàng tham gia ETS:

- Khoảng **42% công ty bày tỏ mong muốn được tham gia các hoạt động nâng cao năng lực** trong tất cả các lĩnh vực được cung cấp.

Nhiệm vụ 3: Cách tiếp cận và kết quả khảo sát (3)

Các khoảng trống được xác định thông qua khảo sát được dùng làm cơ sở để xây dựng nội dung các khóa đào tạo:

- **Nguyên tắc và cách vận hành ETS**
- Tuân thủ ETS và kinh nghiệm quốc tế về **chiến lược tuân thủ doanh nghiệp**
- **Các văn bản pháp luật, quy định và chính sách** liên quan đến ETS.
- **Chuẩn bị kiểm kê KNK** - Xác định các nguồn phát thải
- **Các phương pháp định lượng KNK** - Xác định các phương pháp đo lường dữ liệu hoạt động và hệ số phát thải, cũng như cách tiếp cận đối với các nguồn phát thải chính và phụ.
- **Thực hành QC / QA** - Xây dựng khung chất lượng nội bộ.
- **Tổng hợp dữ liệu kiểm kê phát thải KNK** - thực hiện các thực hành QC/QA và xử lý quá trình thẩm định bên ngoài

Nhiệm vụ 4: Lập sơ đồ các bên liên quan

Sự tham gia của các bên liên quan là một quá trình có hệ thống trong suốt quá trình thực hiện TA, bao gồm các hoạt động sau.



□ Dựa trên những đánh giá từ Nhiệm vụ 3, sơ đồ các bên liên quan từ Nhiệm vụ 4 và kết quả của các khóa đào tạo từ Nhiệm vụ 5, 6, các khóa đào tạo trong Nhiệm vụ 7 đã được xây dựng và điều chỉnh để đáp ứng hiệu quả nhu cầu đa dạng của các bên liên quan.

Nhiệm vụ 5: Công cụ mô phỏng (1)

CarbonSim được tùy chỉnh và điều chỉnh để phù hợp hơn với bối cảnh đặc thù và nhu cầu của Việt Nam:

- **Việt hóa:** Điều chỉnh nội dung phù hợp với các chuẩn mực văn hóa và ngôn ngữ – giúp người tham gia hoàn toàn nhập tâm vào mô phỏng ETS và hiểu rõ hơn về các cơ chế của hệ thống.
- **Điều chỉnh đơn vị tiền tệ:** Thiết lập đơn vị tiền tệ của mô phỏng thành Việt Nam Đồng (VND) để phản ánh các điều kiện kinh tế địa phương, giúp người tham gia đánh giá tốt hơn các quyết định tài chính, liên hệ kết quả với bối cảnh thực tế và thảo luận về các chiến lược quản lý chi phí trong thị trường các-bon của Việt Nam.
- **Cải tiến liên tục:** Các thông số mô phỏng được cập nhật liên tục dựa trên phản hồi của người tham gia. Điều chỉnh kỹ lưỡng các điều kiện thị trường, thiết lập đấu giá và kịch bản nhằm duy trì tính cập nhật của mô phỏng, giúp người tham gia nắm bắt các xu hướng ETS đang phát triển và đưa ra quyết định sáng suốt hơn.
- **Tăng cường mức độ tương tác của người tham gia:** Tích hợp phản hồi trực tiếp, các thử thách dựa trên tình huống và các buổi đánh giá sau sự kiện nhằm thúc đẩy học tập tích cực và sự hợp tác. Các yếu tố tương tác này cho phép người tham gia áp dụng kiến thức lý thuyết vào thực tiễn, giúp họ hiểu sâu hơn kiến thức tổng quan.
- **Tài liệu hỗ trợ toàn diện:** Cung cấp hướng dẫn sử dụng, hướng dẫn và nghiên cứu điển hình phù hợp để hỗ trợ cho các bài tập mô phỏng. Những tài nguyên này cung cấp hỗ trợ thiết thực, nâng cao sự tự tin của người tham gia và củng cố các khái niệm quan trọng để học tập hiệu quả hơn.

Nhiệm vụ 5: Công cụ mô phỏng (2)

- Buổi tập huấn nội bộ về CarbonSim cho các bên thực hiện TA vào ngày 11/10/2023. Đào tạo nội bộ liên tục cho các trợ giảng sau mỗi buổi đào tạo để nâng cao hiệu quả hỗ trợ học viên trong quá trình mô phỏng.



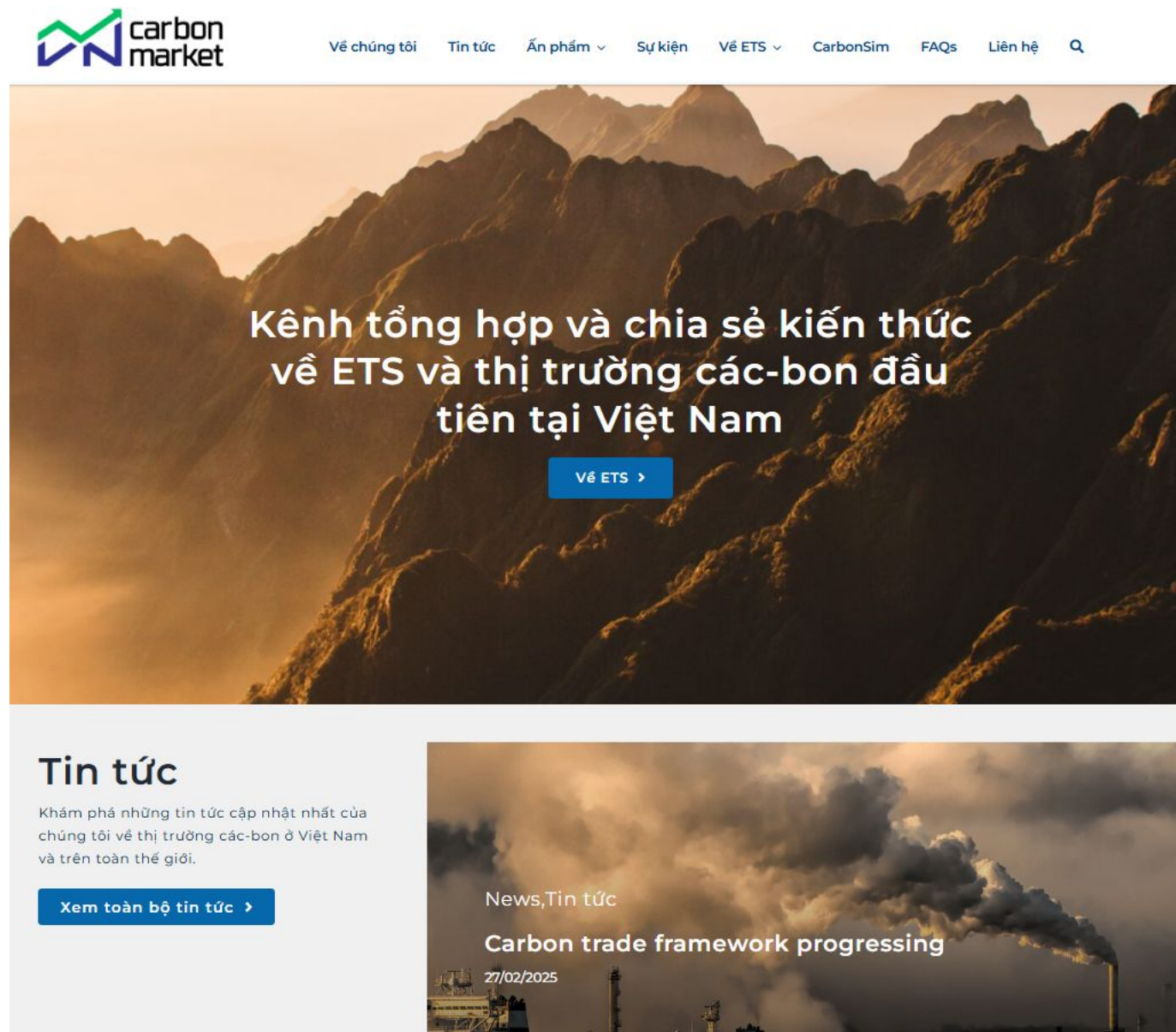
Nhiệm vụ 6: Nền tảng web

Vncarbonmarket web-site:

- nâng cao hiểu biết của người tham gia về ETS thông qua hướng dẫn mô phỏng,
- sử dụng như kênh chia sẻ kiến thức và truyền thông, giúp giải quyết các khoảng trống về nhận thức và mức độ sẵn sàng.

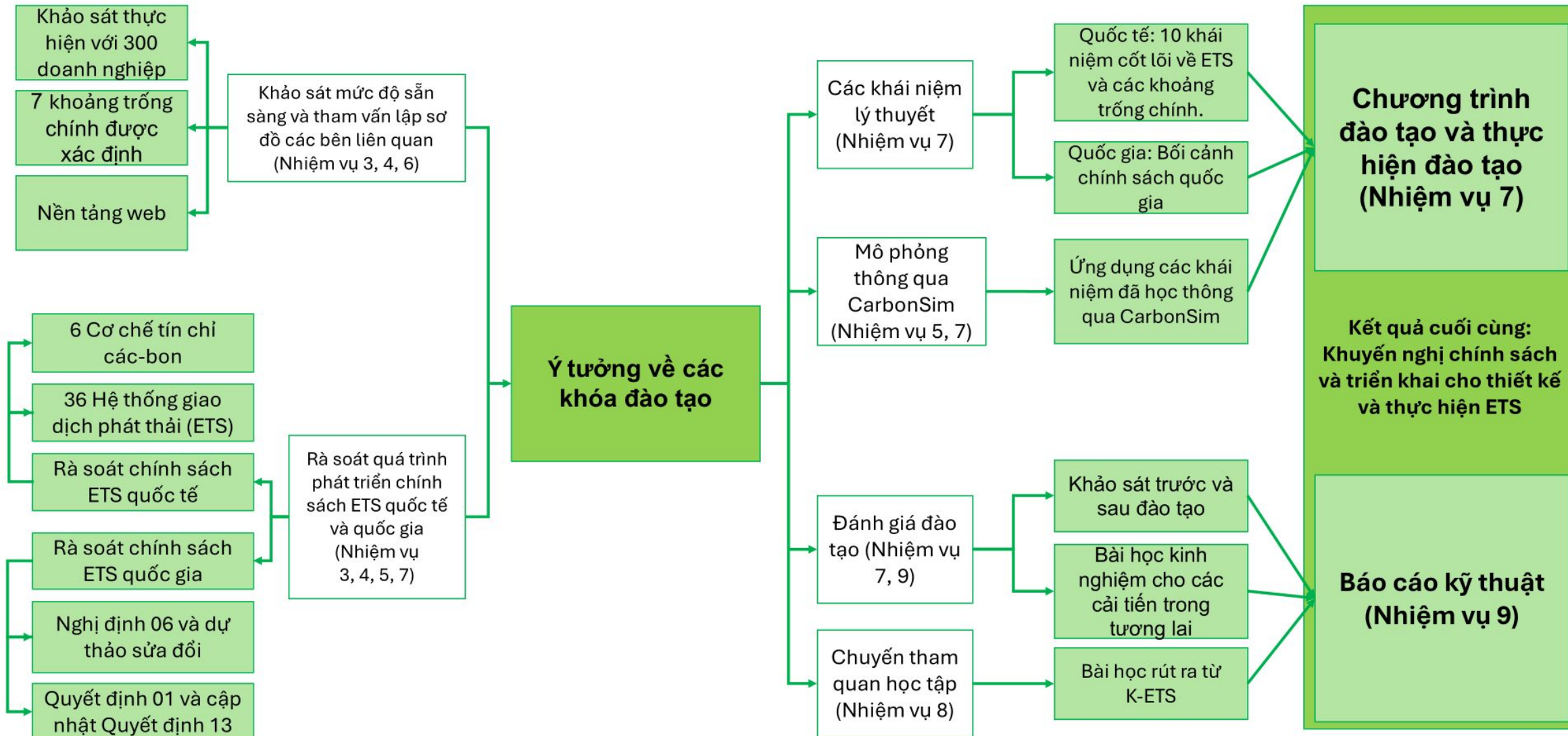
Các thông tin chính:

- Có thể truy cập từ 9/12/2023 tại <https://vncarbonmarket.com/>.
- Bao gồm ba tiểu thành phần: Hướng dẫn mô phỏng, Trung tâm kiến thức và Kênh truyền thông.
- Cập nhật thường xuyên phù hợp với TA.
- Sau khi hoàn thành TA, web sẽ được bàn giao cho Cục BĐKH.



Nhiệm vụ 7: Khóa đào tạo (1)

Xây dựng ý tưởng thiết kế khóa đào tạo



Xây dựng nội dung đào tạo

I. Các nguyên tắc cơ bản của ETS và cơ chế thị trường

- (1) Xác định mục tiêu chính sách;
- (2) Quyết định phạm vi quản lý;
- (3) Thiết lập hạn mức phát thải;
- (4) Phân bổ hạn ngạch;
- (5) Xây dựng quy tắc bù trừ và các khía cạnh chính của tín chỉ các-bon;
- (6) Thiết lập khung tuân thủ;
- (7) Đảm bảo sự ổn định của thị trường;
- (8) Phát triển cơ sở hạ tầng thị trường;
- (9) Giải quyết vấn đề cạnh tranh và khả năng rò rỉ;
- (10) Triển khai, đánh giá và cải tiến.

II. Các chính sách chính về ETS và biến đổi khí hậu, và định hướng tương lai của Việt Nam

- Chính sách quốc gia về biến đổi khí hậu và các mục tiêu phát thải ròng bằng 0 (Net Zero);
- Thiết lập thể chế và lộ trình quốc gia phát triển thị trường các-bon trong nước;
- Vai trò và trách nhiệm của các đơn vị phát thải KNK, bao gồm các chiến lược tuân thủ quy định mới về phát thải KNK và tham gia thị trường các-bon.
- Các vấn đề chính trong thiết kế ETS và quy định của Việt Nam

III. Mô phỏng với CarbonSim

Nhiệm vụ 7: Khóa đào tạo (3)

Diễn giả, giảng viên và trợ giảng

- **Diễn giả:** Đội ngũ chuyên gia hàng đầu của Liên danh tư vấn, với kinh nghiệm chuyên môn trong thiết kế, triển khai và quản lý ETS, mang đến góc nhìn quốc tế giá trị và bối cảnh quốc gia.
- **Trợ giảng:** Hỗ trợ xuyên suốt các khóa đào tạo, đặc biệt trong các buổi mô phỏng với CarbonSim
- **Diễn giả khách mời:** Cung cấp những góc nhìn thực tiễn về ứng dụng ETS, kết nối kiến thức lý thuyết với các chiến lược thực tế:
 - Các nhà hoạch định chính sách và chuyên gia chủ chốt từ Canada và Vương quốc Anh đã chia sẻ những hiểu biết có giá trị từ ETS của Vương quốc Anh và Chương trình Thiết lập trần phát thải và giao dịch của Quebec.
 - Đại diện từ Hiệp hội giao dịch phát thải quốc tế (IETA) và Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) đã thảo luận về những tiến bộ và chính sách mới nhất trong thị trường các-bon quốc tế, bao gồm cả EU ETS.
 - Nhà hoạch định chính sách từ Cục Biến đổi Khí hậu (Cục BĐKH) thuộc Bộ TN&MT đã cung cấp cập nhật về sự phát triển của thị trường các-bon trong nước, các nỗ lực giảm phát thải KNK cũng như nghĩa vụ của các đơn vị phát thải.

Nhiệm vụ 7: Khóa đào tạo (4)

Tổng quan về khóa đào tạo:

- **06 khóa đào tạo thành công** được thực hiện tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh.
- **Thu hút 657 người tham gia** từ các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, tài chính, cơ quan học thuật và tổ chức quốc tế.

Khóa	Ngày	Địa điểm	Nhóm đối tượng chính	Số tham gia
Đào tạo 1	26-27/02/2024	Hà Nội	Các nhà hoạch định chính sách, tổ chức tài chính, đơn vị truyền thông	138
Đào tạo 2	29/02-01/03/2024	Hà Nội	Đơn vị phát thải lớn	125
Đào tạo 3	06-07/05/2024	TP.HCM	Đơn vị phát thải lớn	117
Đào tạo 4	08-09/05/2024	TP.HCM	Đơn vị phát thải lớn	130
Đào tạo 5	09-10/12/2024	Hà Nội	Các lĩnh vực thí điểm ETS	68
Đào tạo 6	12-13/12/2024	TP.HCM	Các lĩnh vực thí điểm ETS	79

Task 7: Khóa đào tạo (5)

Sự tham gia đa dạng của các bên liên quan:

- 59% đến từ khu vực tư nhân, cùng với sự tham gia của các nhà hoạch định chính sách, nhà nghiên cứu, tổ chức tài chính và truyền thông.
- Hợp tác đa ngành giúp làm phong phú các cuộc thảo luận và nâng cao mức độ sẵn sàng cho ETS.

Tính toàn diện về giới:

- Mức độ tham gia gần như cân bằng: **340 nam, 317 nữ** tham dự.
- Đảm bảo đa dạng góc nhìn trong việc định hình các chiến lược thị trường các-bon của Việt Nam.

Không gian để các bên liên quan bày tỏ mối quan tâm/quyền lợi về hệ thống ETS, thị trường carbon và các chính sách khí hậu ở Việt Nam:

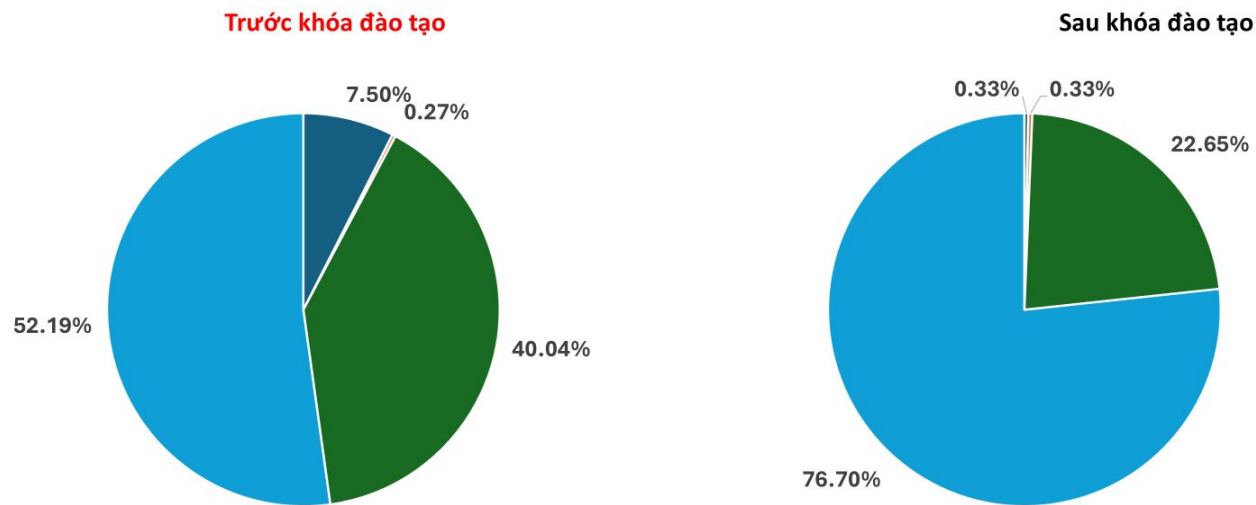
- Các buổi thảo luận, hỏi đáp có sự tham gia tích cực của người tham gia
- Các quan tâm/quyền lợi từ nhiều góc nhìn đa dạng đã được trình bày, điều này sẽ góp phần huy động sự tham gia và nhận được sự hỗ trợ cho quá trình triển khai ETS.



Nhiệm vụ 7: Khóa đào tạo (6)

Đánh giá tác động dựa trên khảo sát: kết quả khảo sát trước và sau đào tạo:

- Các cuộc khảo sát trước và sau đào tạo đã đánh giá sự tiến bộ của người tham gia về các khái niệm và cơ chế thị trường của ETS.
- Kết quả đã chứng minh sự cải thiện về nhận thức, khả năng hiểu và sự tự tin khi áp dụng các nguyên tắc của hệ thống ETS.
- Xác định các lĩnh vực chính cần cải thiện để tinh chỉnh các chương trình đào tạo trong tương lai.

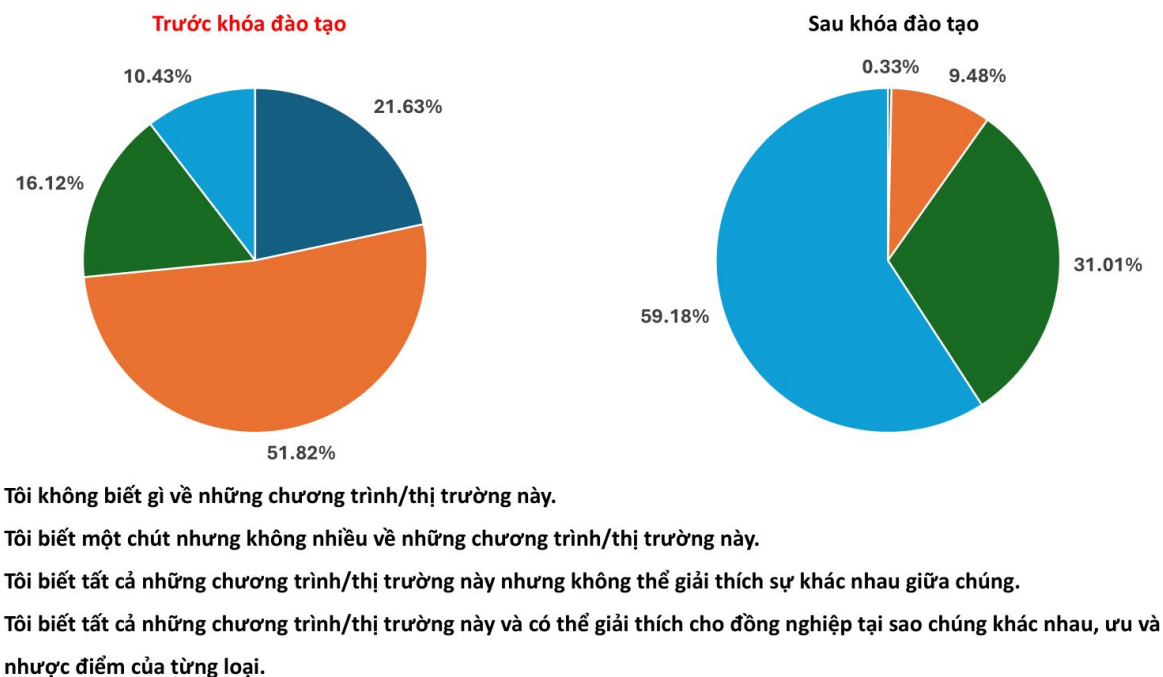


Sự hài lòng và ủng hộ đối với các khóa đào tạo

- Tôi không biết - Chưa rõ để đưa ra nhận xét.
- Không thực sự hữu ích – Tôi sẽ không giới thiệu nó cho các đồng nghiệp của mình.
- Cũng hữu ích - Tôi sẽ giới thiệu đồng nghiệp tham gia.
- Rất hữu ích - Tôi thấy đây là khóa đào tạo không thể thiếu và sẽ giới thiệu đồng nghiệp tham gia.

Nhiệm vụ 7: Khóa đào tạo (7)

Đánh giá tác động: kết quả khảo sát trước và sau đào tạo



Sự khác biệt cơ bản giữa ETS, thị trường các-bon tự nguyện, thị trường các-bon tuân thủ và thuế các-bon

1. Cải thiện nhận thức về ETS như một công cụ chính sách

- Trước khóa học: 14,45% không chắc chắn, 2,34% hoài nghi về vai trò của ETS trong NDC của Việt Nam.
- Sau khóa học: 46,94% người xem ETS là không thể thiếu, khẳng định có hiểu biết sâu sắc hơn.

2. Cải thiện hiểu biết về Hiệu Quả chi phí của ETS

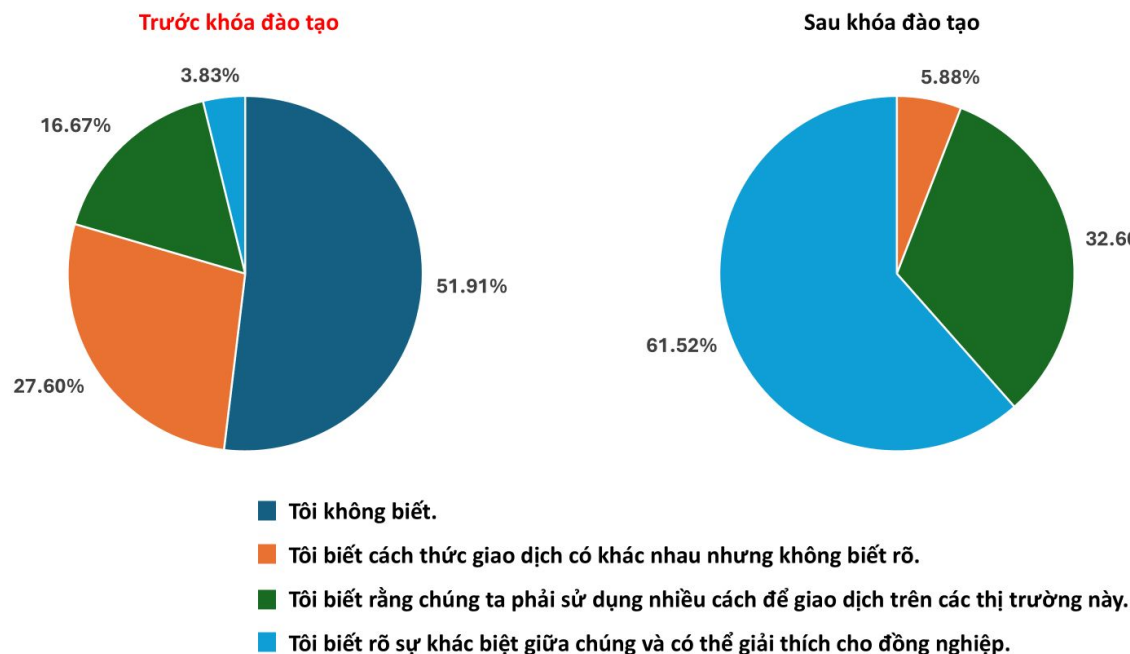
- Trước khóa học: 14,38% cho rằng ETS không hiệu quả về chi phí.
- Sau khóa học: 73,62% thừa nhận hiệu quả chi phí, công nhận hiệu quả thị trường.

3. Nâng cao kiến thức về cơ chế định giá các-bon

- Trước khóa học: 21,07% không có kiến thức về định giá cá-bon.
- Sau khóa học: 37,44% có thể giải thích một cách tự tin, nhấn mạnh sự cải thiện kiến thức.

Nhiệm vụ 7: Khóa đào tạo (8)

Đánh giá tác động: kết quả khảo sát trước và sau đào tạo



Sự khác biệt giữa giao dịch trong đấu giá, thị trường OTC và sàn giao dịch là gì?

4. Nâng cao hiểu biết về các yếu tố chính của ETS

- Bù trừ & Hạn ngạch: Sau khóa học, 68,36% có thể giải thích những khái niệm này (so với 9.84% trước khóa học).
- Biện pháp giảm phát thải & Giới hạn bù trừ: Sau khóa học, 65,25% tự tin giải thích giới hạn bù trừ.

5. Nhận thức rộng rãi về cơ chế giao dịch ETS

- Trước khóa học: Nhiều người thiếu kiến thức rõ ràng về Đấu giá, OTC và sàn giao dịch.
- Sau khóa học: 61,52% có thể tự tin giải thích các nền tảng giao dịch ETS.

6. Mức độ hài lòng của người tham gia cao

- Đa số nhận thấy đào tạo có giá trị, phù hợp và có thể áp dụng cho việc triển khai ETS trong thực tiễn.

Nhiệm vụ 7: Khóa đào tạo (9)

Mở rộng nhận thức cộng đồng thông qua đào tạo ETS

Kế hoạch đào tạo ban đầu & mở rộng:

- Chương trình TA ban đầu lên kế hoạch cho **bốn khóa đào tạo** (02 ở Hà Nội, 02 ở TP. HCM).
- Phản hồi tích cực và nhu cầu lớn đã thúc đẩy việc tổ chức hai khóa học bổ sung, hướng tới các ngành trọng điểm (thép, xi măng, nhiệt điện).
- Ưu tiên được trao cho các ngành liên quan đến **giai đoạn thí điểm ETS**.

Sự quan tâm lớn của cộng đồng & đưa tin rộng rãi của truyền thông:

- Nhu cầu cao rõ ràng **trước và sau** mỗi buổi học, nhấn mạnh tính liên quan..
- Việc đưa tin rộng rãi trên các phương tiện truyền thông đã củng cố tác động của khóa đào tạo:
 - *"Understanding Emission Trading System: Navigating Its Impacts on Businesses"* – Viet Nam News
 - *"Businesses Understand Too Little About ETS and the Carbon Market"* – VnEconomy
 - *"More than 100 Businesses Participate in Carbon Market Training"* – Vietnam Investment Review
 - *"Helps Localities and Businesses Understand Carbon Credits"* – Resources & Environment Newspaper
- Thành công của các buổi đào tạo và quan tâm của công chúng cho thấy **nhu cầu ngày càng tăng** về nâng cao năng lực ETS ở Việt Nam.

Nhiệm vụ 7: Khóa đào tạo (10)

Tăng cường khung pháp lý về ETS của Việt Nam

Tác động chính sách và nâng cao năng lực:

- Các đại biểu từ cơ quan quản lý đã có được **kiến thức chuyên sâu** về các thực tiễn quốc tế tốt nhất trong ETS và thị trường carbon.
- Các khóa đào tạo đã hỗ trợ quá trình chuẩn bị và tham gia vào việc xây dựng **dự thảo sửa đổi Quyết định 06/2022/NĐ-TTg** để cải thiện quản trị ETS.

Đóng góp của chuyên gia vào việc phát triển khung pháp lý của ETS:

Các chuyên gia tích cực tham gia **sửa đổi Nghị định 06/2022/NĐ-TTg**, đưa ra kiến nghị kỹ thuật và thông tin chi tiết về:

- Quản trị ETS
- Sự liên kết và tương tác quốc tế của các cơ chế định giá các-bon
- Các phương pháp tốt nhất để tuân thủ và tối ưu hóa hiệu quả thị trường

Bài học rút ra:

- Các khóa đào tạo đã nâng cao đáng kể năng lực quản lý, hỗ trợ xây dựng **nền tảng** cho việc triển khai thành công **thí điểm ETS** của Việt Nam.



Nhiệm vụ 8: Chuyển tham quan học tập (1)

Chuyển tham quan học tập đến Hàn Quốc (19-25/11/2023) phối hợp với GGGI

- **Mục tiêu:** Học hỏi từ ETS Hàn Quốc (K-ETS) để hỗ trợ phát triển thị trường các-bon của Việt Nam.
- **Số người tham gia:** 17 đại biểu do bà Hồ Thị Hằng (Bộ Tài chính) là trưởng nhóm.
- **Sự vắng mặt của Bộ TN&MT:** Do công tác chuẩn bị cho COP 28, không thể tham dự theo kế hoạch ban đầu.
- **Công tác hậu cần:** Được điều phối bởi VNEEC và GGGI Hà Nội.



Nhiệm vụ 8: Chuyển tham quan học tập (2)



Nhiệm vụ 8: Chuyển tham quan học tập (3)

Những phát hiện chính/bài học cho sự phát triển của ETS tại Việt Nam

Kinh nghiệm Hàn Quốc	Bài học rút ra cho Việt Nam
Giai đoạn 1 và 2 được coi là giai đoạn thí điểm để các cơ sở phát thải làm quen với ETS.	Việt Nam nên dành một lộ trình phù hợp để thiết kế, thí điểm và vận hành đầy đủ ETS.
Giai đoạn 1 áp dụng GF, sau đó dần dần áp dụng BM (66% trong Giai đoạn 3). Dữ liệu lịch sử ba năm cho GF là đủ dài để phân bổ hạn ngạch, nhưng cần có các chính sách và quy định rõ ràng.	Giai đoạn thí điểm có thể dựa vào GF với dữ liệu kiểm kê KNK trong 03 năm, đồng thời phát triển các BMs để dần thay thế GF. Phân bổ miễn phí là phương án phù hợp nhất trong giai đoạn thí điểm, sau đó đấu giá nên được áp dụng dần theo từng giai đoạn.
Cần xem xét các xung đột tiềm năng nhất và đề xuất các chính sách can thiệp trong giai đoạn thiết kế. Trong K-ETS, Bộ Môi trường luôn muốn giảm tổng hạn mức, trong khi Bộ Thương mại, Công nghiệp và Năng lượng muốn tăng hạn mức do áp lực từ các ngành công nghiệp.	Sự đồng thuận giữa các bộ ngành chủ chốt sẽ quyết định sự thành công hay thất bại của ETS.
ETS giúp các doanh nghiệp/ngành công nghiệp tính toán chi phí của họ và chủ động đạt được các mục tiêu giảm phát thải, với định giá carbon là chỉ số quan trọng trong việc ra quyết định.	Việc đào tạo liên tục và chuyên sâu, nâng cao năng lực và nhận thức cộng đồng rất quan trọng đối với các nhóm bên liên quan khác nhau, nhưng doanh nghiệp và ngành công nghiệp nên là ưu tiên hàng đầu.

Nhiệm vụ 8: Chuyển tham quan học tập (4)

Những phát hiện chính/bài học cho sự phát triển của ETS tại Việt Nam

Kinh nghiệm Hàn Quốc	Bài học rút ra cho Việt Nam
K-ETS áp đặt các hạn chế đối với việc lưu giữ (banking) hạn ngạch chưa sử dụng nhằm kích thích thị trường giao dịch.	Lưu giữ là một công cụ quan trọng để bình ổn và mở rộng quy mô ETS. Nó nên được xem xét ngay từ giai đoạn đầu thiết kế ETS.
Hàn Quốc có các mục tiêu cắt giảm KNK đầy tham vọng, nhưng nhu cầu và giá hạn ngạch đều đang giảm. Các chính sách bình ổn và kiểm soát KNK cần được cải thiện trong Giai đoạn 4 (bắt đầu từ năm 2026).	Các chính sách quản lý cần linh hoạt và được điều chỉnh thường xuyên để vận hành ETS thành công.
Một hệ thống bình ổn nên được đưa vào ngay từ giai đoạn đầu và đấu giá là công cụ để bình ổn.	Cần xem xét khả năng xảy ra cú sốc thị trường và các biện pháp can thiệp khi thiết lập ETS.
Bộ Môi trường đang quản lý ETS và đưa ra quyết định về số lượng hạn ngạch phân bổ, quản lý hệ thống và quản lý các doanh nghiệp tham gia dựa trên quyết định của Ủy ban Phân bổ Hạn ngạch.	Quyết định về tổng hạn ngạch và phương pháp phân bổ hạn ngạch là vấn đề rất quan trọng, cần được một cơ quan cấp cao (ví dụ: cấp Thủ tướng) chịu trách nhiệm, có khả năng phân công và điều phối các bộ ngành liên quan.

Nhiệm vụ 8: Chuyển tham quan học tập (5)

Những phát hiện chính/bài học cho sự phát triển của ETS tại Việt Nam

Kinh nghiệm Hàn Quốc	Bài học rút ra cho Việt Nam
Hàn Quốc đã thành lập Quỹ Ứng phó Biến đổi Khí hậu bằng nguồn thu từ đấu giá và các nguồn khác, trong khi Quỹ Bình ổn Thị trường chỉ có hạn ngạch (không có tiền). Quỹ Bình ổn Thị trường do Ủy ban Phân bổ Hạn ngạch quản lý.	Các quỹ sử dụng nguồn thu từ ETS và bình ổn hoạt động của ETS cần được quyết định ngay khi thiết lập ETS.
Sự tham gia của các nhà tạo lập thị trường rất quan trọng để xây dựng niềm tin cho các thành viên thị trường. Các nhà tạo lập thị trường giúp ổn định hoạt động của thị trường và duy trì khả năng phục hồi ngay cả trong thời điểm thị trường biến động.	Cần xem xét vai trò của các nhà tạo lập thị trường khi xây dựng ETS.
Hàn Quốc đã sử dụng chuyên gia quốc tế từ EU để hỗ trợ thiết kế và vận hành K-ETS.	Việt Nam nên cân nhắc việc tham gia và tận dụng kinh nghiệm quốc tế cũng như hỗ trợ kỹ thuật ngay từ giai đoạn đầu thiết kế ETS.
Hàn Quốc đã gặp nhiều khó khăn trong quá trình thực hiện.	Các đối tác Hàn Quốc, đặc biệt là đại diện từ Bộ Môi trường, bày tỏ hy vọng rằng Việt Nam sẽ đẩy nhanh tiến độ khi tích lũy được nhiều kinh nghiệm hơn từ Hàn Quốc.

Kết luận (1)

- **Vượt mục tiêu:** **TA được thực hiện thành công vượt mục tiêu ban đầu**, với **sáu khóa đào tạo** hiệu quả cao, vượt mục tiêu bốn khóa ban đầu và **mang lại lợi ích thiết thực** cho hơn 600 đại biểu tham gia.
- **Nâng cao kỹ năng và hiểu biết:** Các khóa đào tạo này **đóng vai trò quan trọng** trong việc **nâng cao hiểu biết và kỹ năng thực tiễn liên quan đến ETS và các cơ chế dựa trên thị trường của đại biểu tham dự**, cải thiện năng lực ở cả cấp thể chế và cá nhân trong việc vận hành ETS trên nhiều lĩnh vực, kết quả tích cực được xác nhận qua các khảo sát trước và sau đào tạo.
- **Tăng cường hợp tác:** Sáng kiến này **đã cải thiện hiểu biết về ETS** cho các bên liên quan chính và trang bị cho họ các công cụ thiết yếu để hiểu được sự phức tạp của thị trường carbon, đồng thời **củng cố sự hợp tác** giữa các cơ quan quản lý nhà nước và khu vực tư nhân.
- **Xây dựng năng lực toàn diện:** Bằng cách thu hút nhiều đối tượng tham gia, từ các nhà hoạch định chính sách đến các doanh nghiệp phát thải lớn, **chương trình đào tạo đã đảm bảo một cách tiếp cận toàn diện trong việc xây dựng năng lực**, giúp Việt Nam sẵn sàng triển khai ETS một cách hiệu quả.

Nhiệm vụ 9: Báo cáo kỹ thuật

- **Các kinh nghiệm thu được và phát hiện** được tổng hợp từ **các nghiên cứu, khảo sát và khóa đào tạo** trong khuôn khổ nhiệm vụ này đã cho phép rút ra các bài học kinh nghiệm và khuyến nghị cho việc thiết kế và triển khai Hệ thống ETS của Việt Nam trong tương lai.
- **Nguồn** được sử dụng để tổng hợp **các kinh nghiệm thu được và phát hiện** bao gồm:
 - Rà soát về hiện trạng và xu hướng của thị trường các-bon quốc tế, khảo sát so sánh các lựa chọn thiết kế ETS và thực hành tốt nhất trong việc sử dụng tín chỉ các-bon để bù trừ;
 - Một cuộc khảo sát toàn quốc được tiến hành vào tháng 12 năm 2023.
- **Các kinh nghiệm được** thu thập từ **các buổi đào tạo**, bao gồm các khảo sát trước và sau khóa học với người tham gia, cho thấy:
 - **Bài học kinh nghiệm** và cải tiến cần thiết đối với từng khóa đào tạo;
 - Hoàn thiện hơn **thiết kế và tổ chức các khóa đào tạo** về ETS;
 - Mỗi quan tâm, ý kiến và **phản hồi được bày tỏ** trong các buổi đào tạo;
 - Kinh nghiệm và bài học rút ra từ việc **mô phỏng**.
- Trên cơ sở đó, **các kiến nghị sau** về **thiết kế ETS và các chính sách phù hợp** cho hoạt động của hệ thống đã được đề xuất với Chính phủ Việt Nam.

Thiết lập hạn mức và phân bổ hạn ngạch

Thiết lập hạn mức:

- **Kinh nghiệm thu được:** Các nhà hoạch định chính sách nhấn mạnh sự cần thiết của các phương pháp luận hiệu quả để thiết lập và điều chỉnh hạn mức phù hợp với các mục tiêu quốc gia. Các doanh nghiệp phát thải cần sự rõ ràng về cách thức triển khai, cơ hội đóng góp ý kiến và cách hạn mức thay đổi theo các mục tiêu giảm phát thải của từng ngành.
- **Khuyến nghị:** Kết hợp dữ liệu từ phương pháp tiếp cận từ trên xuống và từ dưới lên để xác định hạn mức cân bằng, phản ánh lượng phát thải theo ngành, tiềm năng giảm phát thải và các mục tiêu giảm nhẹ hiện có. Tích hợp các cơ chế điều chỉnh hạn mức định kỳ để phù hợp với các ưu tiên chính sách đang thay đổi và điều kiện thị trường.

Phân bổ hạn ngạch:

- **Kinh nghiệm thu được:** Các bên liên quan nhấn mạnh tầm quan trọng của việc phân bổ công bằng và minh bạch – dù là miễn phí, dựa trên định mức phát thải hay đấu giá – cũng như tác động đến khả năng cạnh tranh. Các nhà hoạch định chính sách hướng tới nghiên cứu các thông lệ quốc tế tốt nhất và khả năng tương thích với CBAM. Các doanh nghiệp phát thải cần sự rõ ràng về chi phí và yêu cầu lập kế hoạch đi kèm với từng phương pháp.
- **Khuyến nghị:** Áp dụng quá trình chuyển đổi theo giai đoạn từ phân bổ miễn phí sang đấu giá, dựa trên các nghiên cứu tác động kinh tế toàn diện nhằm giảm thiểu rủi ro về khả năng cạnh tranh và lợi nhuận bất thường. Rút kinh nghiệm từ các hệ thống ETS trên toàn cầu để hạn chế sự phụ thuộc kéo dài vào phương thức phân bổ dựa trên số liệu lịch sử phát thải hoặc định mức phát thải.

Thiết lập quy định về tín chỉ bù trừ

Kinh nghiệm thu được:

- Các nhà hoạch định chính sách nhấn mạnh sự cần thiết của **các hướng dẫn rõ ràng về tín chỉ bù trừ**, bao gồm tín chỉ trong nước và quốc tế, cũng như **vai trò của chúng trong việc tuân thủ ETS**. Họ cũng yêu cầu **sự rõ ràng về tiêu chí đủ điều kiện và quy tắc sử dụng**.
- Các doanh nghiệp phát thải muốn hiểu về cách **các dự án tín chỉ bù trừ trong phạm vi ETS** – chẳng hạn như năng lượng tái tạo tại chỗ – có thể tạo ra tín chỉ nếu điện được đưa vào lưới, cũng như tác động của điều này đến **chi phí tuân thủ** và dấu chân các-bon.

Khuyến nghị:

- **Phân tích quy định về tín chỉ bù trừ** trong các ETS khác để quyết định xem có nên – và làm thế nào để – bao gồm tín chỉ.
- **Đánh giá tác động** đến nhu cầu hạn ngạch, biến động giá cả và các yếu tố tài chính, đảm bảo tính nhất quán với các khuôn khổ toàn cầu đang phát triển.
- Thiết lập **các hạn chế rõ ràng** đối với tín chỉ bù trừ (vd: giới hạn định tính hoặc định lượng) nhằm bảo vệ tính toàn vẹn môi trường.
- **Điều chỉnh quy định về tín chỉ bù trừ phù hợp** với các mục tiêu của CBAM và các hệ thống tín chỉ hiện có để có thể tích hợp thị trường hiệu quả.

Kinh nghiệm thu được:

- Các nhà hoạch định chính sách nhấn mạnh sự cần thiết của **các hướng dẫn rõ ràng về tín chỉ bù trừ**, bao gồm tín chỉ trong nước và quốc tế, cũng như **vai trò của chúng trong việc tuân thủ ETS**. Họ cũng yêu cầu **sự rõ ràng về tiêu chí đủ điều kiện và quy tắc sử dụng**.
- Các doanh nghiệp phát thải muốn hiểu về cách **các dự án tín chỉ bù trừ trong phạm vi ETS** – chẳng hạn như năng lượng tái tạo tại chỗ – có thể tạo ra tín chỉ nếu điện được đưa vào lưới, cũng như tác động của điều này đến **chi phí tuân thủ** và dấu chân các-bon.

Khuyến nghị:

- **Phân tích quy định về tín chỉ bù trừ** trong các ETS khác để quyết định xem có nên – và làm thế nào để – bao gồm tín chỉ.
- **Đánh giá tác động** đến nhu cầu hạn ngạch, biến động giá cả và các yếu tố tài chính, đảm bảo tính nhất quán với các khuôn khổ toàn cầu đang phát triển.
- Thiết lập **các hạn chế rõ ràng** đối với tín chỉ bù trừ (vd: giới hạn định tính hoặc định lượng) nhằm bảo vệ tính toàn vẹn môi trường.
- **Điều chỉnh quy định về tín chỉ bù trừ phù hợp** với các mục tiêu của CBAM và các hệ thống tín chỉ hiện có để có thể tích hợp thị trường hiệu quả.

Thiết lập khuôn khổ về tuân thủ

Kinh nghiệm thu được:

- Các nhà hoạch định chính sách cần có **hệ thống MRV hiệu quả** cùng **cơ chế thực thi mạnh mẽ** để bảo vệ tính toàn vẹn của thị trường và đảm bảo tuân thủ.
- Các doanh nghiệp phát thải phải **hiểu rõ nghĩa vụ báo cáo**, **quy trình thẩm định**, và **các hình phạt** đối với hành vi không tuân thủ, đồng thời đảm bảo **phù hợp với các tiêu chuẩn trong nước và quốc tế** như CBAM hoặc CSRD/CSDDD.

Khuyến nghị:

- **Tận dụng các khuôn khổ hiện có:** Xây dựng dựa trên **các sáng kiến minh bạch trong nước**, phù hợp với **các tiêu chuẩn MRV toàn cầu** (vd: CBAM, ISO 14064) để tối ưu hóa quy trình và giảm gánh nặng hành chính. Điều này giúp đảm bảo tính nhất quán giữa nhiều chế độ báo cáo.
- **Hướng dẫn và nâng cao năng lực:** Cung cấp **hướng dẫn rõ ràng**, **trung tâm hỗ trợ**, và **khóa đào tạo** cho các bên tuân thủ, tận dụng các thông lệ quốc tế tốt nhất và công cụ phần mềm. Điều này giúp nâng cao năng lực kịp thời, cải thiện độ chính xác của dữ liệu, tăng cường **niềm tin của các bên liên quan** vào ETS và hỗ trợ tuân thủ hiệu quả.
- **Sắp xếp thể chế:** Thiết lập **cấu trúc quản trị rõ ràng** cho quy trình thẩm định, đồng thời **đầu tư mạnh vào nguồn nhân lực**. Việc đào tạo **đội ngũ thẩm định viên** sẽ đảm bảo có đủ nhân lực với chuyên môn cao, góp phần tăng cường giám sát đáng tin cậy và vận hành ETS hiệu quả.

Các kinh nghiệm thu được:

- Các nhà hoạch định chính sách quan tâm đến các **cơ chế bình ổn** như giá sàn, giá trần và dự trữ chiến lược để **hạn chế biến động và ngăn chặn thao túng**.
- Các doanh nghiệp phát thải coi những công cụ này là thiết yếu để **dự đoán chi phí tuân thủ** và chuyển đổi các-bon thấp suôn sẻ hơn. **Các điều khoản về chuyển giao và vay mượn (banking-borrowing)** thu hút sự chú ý vì có thể giúp các bên quản lý hạn ngạch theo thời gian, mặc dù cần có các biện pháp bảo vệ để duy trì tính toàn vẹn của hệ thống.
- Các bên liên quan yêu cầu **giám sát chặt chẽ** để ngăn chặn tình trạng lạm dụng thị trường và đảm bảo giảm phát thải thực sự.

Khuyến nghị:

- Thúc đẩy **sự tham gia trong nước** để thảo luận về tầm quan trọng của mức giá ổn định so với hiệu quả thị trường, liên quan đến các mục tiêu chính sách ETS.
- Xem xét các kinh nghiệm quốc tế về các **điều khoản quản lý giá và nguồn cung**, xác định các thông lệ tốt nhất và sự đánh đổi trong các bối cảnh ETS khác nhau.
- Cố gắng **cân bằng** giữa các **tín hiệu giá có thể dự báo** và **hạn chế can thiệp từ chính phủ**, đảm bảo rằng các cơ chế thị trường vừa phân bổ nguồn lực hiệu quả vừa duy trì ETS hiệu quả và đáng tin cậy.

Kinh nghiệm thu được:

- Các nhà hoạch định chính sách ưu tiên **phát triển cơ sở hạ tầng hiệu quả cho thị trường** - như hệ thống đăng ký và sàn giao dịch - để neo giữ ETS hiệu quả, bao gồm làm rõ vai trò của các trung gian tài chính.
- Các doanh nghiệp phát thải cần sự **hướng dẫn** về cách tiếp cận và tham gia cơ sở hạ tầng này để **thực hiện nghĩa vụ tuân thủ** và **tối ưu hóa chiến lược giao dịch**.

Khuyến nghị:

- **Khảo sát cơ sở hạ tầng hiện có** trong các ETS khác, tìm kiếm các nhà cung cấp phần mềm và các mô hình thành công để có hệ thống an toàn, thân thiện với người dùng. Xem xét khả năng **vận hành chung chuẩn với các hệ thống quốc tế**, trong đó có Điều 6 của Thỏa thuận Paris.
- Đầu tư vào **cơ sở hạ tầng đáng tin cậy trong nước** (hệ thống đăng ký, sàn giao dịch, dịch vụ hỗ trợ), đảm bảo rằng các lựa chọn thiết kế vừa phản ánh nhu cầu của Việt Nam vừa duy trì khả năng tương thích toàn cầu.
- Cung cấp **đào tạo giai đoạn đầu** cho các nhà hoạch định chính sách, doanh nghiệp phát thải và trung gian, nhằm tạo điều kiện triển khai suôn sẻ. **Thu hút các bên liên quan** trước khi triển khai toà điện để xây dựng năng lực, tạo sự tin tưởng vào hệ thống và thúc đẩy hoạt động ETS hiệu quả.

Giải quyết rủi ro cạnh tranh và rò rỉ:

- Các nhà hoạch định chính sách cần **cân bằng giữa tính toàn vẹn của môi trường và tính khả thi cho các ngành công nghiệp**, đảm bảo rằng các chính sách liên quan về các-bon không tạo gánh nặng bất công cho các ngành công nghiệp trong nước. Các ngành công nghiệp phát thải lớn (EITE) cần có các tiêu chí rõ ràng và dựa trên dữ liệu để có các biện pháp bảo vệ rò rỉ một cách hiệu quả trong khi cân bằng với các đánh đổi về tài chính và môi trường.
- Tìm hiểu kinh nghiệm các hệ thống của các nước khác, các nhà lập chính sách có thể xây dựng **chiến lược để giảm rò rỉ**, đặc biệt trong bối cảnh gia tăng các chính sách biến đổi khí hậu toàn cầu như các biện pháp kiểm soát các-bon biên giới. Theo dõi các xu hướng trên thế giới giúp Việt Nam thiết kế được ETS phù hợp với các thực hành tốt trên thế giới.

Tương tác với CBAM:

- Các doanh nghiệp phát thải xuất khẩu vào khu vực CBAM (vd EU) yêu cầu **làm rõ về sự trùng lặp của nghĩa vụ ETS và CBAM**, tập trung vào tính toán phát thải, tiêu chuẩn thẩm tra, các chi phí dự kiến phát sinh cho hàng hoá của họ.
- **Theo dõi sự thay đổi của EU CBAM** – đặc biệt dự báo về các hoạt động quy định tại Điều 9 trong năm 2025 – và theo dõi các thay đổi chính sách các-bon toàn cầu. Nhận thức này sẽ bảo đảm ETS của Việt Nam **sẽ được công nhận** và thúc đẩy sự thuận thủ các giao dịch thương mại quốc tế.

Kinh nghiệm thu được:

- **Những điểm chính từ mô phỏng:** Mô phỏng lặp lại nội dung lý thuyết **năm thành phần cốt yếu của ETS** – xác định phạm vi, xác định trần và phân bổ, hạn chế sự biến động thị trường, bảo đảm sự linh hoạt cho tuân thủ, và quản lý chi phí giảm phát thải biên. Thay đổi chính sách tức thời sẽ tác động đến giá hạn ngạch và như vậy nhấn mạnh sự cần thiết để có sự **giám sát hiệu quả** và **chiến lược kinh doanh thích ứng**.
- **Định giá động và thích ứng:** Đại biểu tham gia nhận biết rằng **kết quả đấu thầu** sẽ tác động đến xu thế của thị trường thứ cấp và các can thiệp của chính phủ như giảm mức trần ngay lập tức sẽ tác động đến biến động giá cả. Doanh nghiệp sẽ có lợi nếu **chủ động theo dõi thay đổi chính sách và có chiến lược thích ứng ngay**, như vậy doanh nghiệp sẽ có lợi thế nếu có kế hoạch tuân thủ linh hoạt và chủ động.

Khuyến nghị:

- Khuyến nghị liên quan đến việc **thiết lập các giai đoạn đánh giá cố định** – sau ba, năm, hoặc bảy năm – để đánh giá việc thực hiện và các thực hành tốt. Cách tiếp cận này cân bằng giữa **sự chắc chắn dài hạn với các cơ hội sửa đổi/điều chỉnh**, bảo đảm rằng thiết kế ETS sẽ tương ứng với thay đổi của kinh tế, chính trị và công nghệ. Cuối cùng, **khuyến khích sự tham gia của các bên liên quan** và xây dựng các chỉ số thực hiện thực tế để tinh chỉnh thiết kế hệ thống. 36

Kết luận (2)

- **Tăng cường nhận thức cộng đồng:** Các khóa đào tạo đã thu hút sự chú ý đáng kể từ truyền thông và công chúng, với nhiều tin tức tích cực giúp nâng cao nhận thức về thị trường carbon, chiến lược giảm phát thải KNK và chính sách quốc gia về biến đổi khí hậu.
- **Nền tảng kỹ thuật cho các chính sách tương lai:** Dựa trên kết quả từ các mô phỏng, thảo luận chi tiết trong khóa đào tạo, kết hợp với phân tích và đánh giá trong khuôn khổ TA, TA đã cung cấp những hiểu biết sâu sắc về vận hành và hiệu quả tiềm năng của ETS tại Việt Nam, đề xuất chính sách, nâng cao mức độ sẵn sàng và thu hút sự tham gia của các bên liên quan cũng như cải thiện các mô-đun đào tạo trong tương lai nhằm hỗ trợ xây dựng một khung ETS vững chắc.
- **Đề xuất cải tiến liên tục:** Đưa ra các khuyến nghị cho các sáng kiến đào tạo trong tương lai và các khuyến nghị liên quan đến quản trị và kỹ thuật, tập trung vào cải tiến liên tục và khả năng thích ứng cần thiết để triển khai và vận hành thành công ETS tại Việt Nam.

Các hoạt động đề xuất tiếp theo

Để duy trì thành công và động lực của TA này, các hoạt động sau đây được khuyến nghị cho bước tiếp theo:

- Tiếp tục tổ chức các hoạt động nâng cao năng lực chuyên sâu và thu hút sự tham gia của các nhóm bên liên quan đa dạng, cả trước và sau khi ra mắt sàn CTX, bao gồm các mô phỏng trên sàn thực tế do MOF phát triển.
- Xây dựng và phân phối các tài liệu/hướng dẫn bằng tiếng Việt về những kiến thức cơ bản liên quan đến ETS, thị trường carbon và các chiến lược liên quan, được thiết kế phù hợp với từng nhóm đối tượng mục tiêu.
- Duy trì và cập nhật thường xuyên trang web được phát triển trong khuôn khổ TA này để đảm bảo đây tiếp tục là một nguồn tài liệu hữu ích.



UNOPS



ENERGY
TRANSITION
PARTNERSHIP

Powering Prosperity and Enabling Sustainability in South East Asia

DCC

Department of Climate Change

**Xin cảm ơn
vì tất cả những hỗ trợ
quan trọng!**

